

Số: 185 /TCT-PC&KSNB

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

V/v công bố thông tin

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần  
Trụ sở chính: Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà

Nội;

Điện thoại: 024.36410799

Fax: 024.36410800

Mã chứng khoán: VIF

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Quốc Khánh - Tổng giám đốc;


Địa chỉ: 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  bất thường  định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần thông báo: Ngày 20/02/2023, Tổng công ty nhận được Bản án dân sự phúc thẩm số 100/2022/DS-PT ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và Hợp đồng giao khoán" giữa nguyên đơn là Bà Phan Thị Phương và Ông Triệu Văn Minh, bị đơn là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần, bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 20/02/2023 tại đường dẫn <http://www.vinafor.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. 

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- PTGD Ngô Thị Thúy Mai;
- Ban biên tập Website Vinafor;
- Ban công bố thông tin;
- Lưu VT, PC&KSNB.



**Lê Quốc Khánh**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

0912.603.973  
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2022/DS - PT

Ngày: 30/12/2022

"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,  
tài sản trên đất và Hợp đồng giao khoán"

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM	
C.V	Số: 207
ĐẾN	Ngày 20/12/2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Lê Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 và ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2022/TLPT- DS ngày 03/10/2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và Hợp đồng giao khoán". Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DSST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Phan Thị Phương, sinh năm 1985, có mặt

1.2. Ông Triệu Văn Minh, sinh năm 1982, có mặt

Địa chỉ: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trung: Luật sư Mai Tiến Dũng, Luật sư Tạ Quang Trang, thuộc Công ty Luật TNHH Đức Thành - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 Vinhomes D'Capitale Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

2. Bị đơn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Trụ sở: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Khánh, sinh năm 1965, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Nguyễn Thị Phong Lan, sinh năm 1978, chức vụ: phó phòng pháp chế và kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm, sinh năm 1995, chức vụ: cán bộ Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần. vắng mặt

+ Ông Phạm Huy Bình, sinh năm 1980, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên. Văn bản ủy quyền số 1123 ngày 14 tháng 11 năm 2022; có mặt ✓

### 3. Người làm chứng:

Ông Phạm Văn Trình, sinh năm 1971, vắng mặt

Địa chỉ: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

4. Người kháng cáo: Bà Phan Thị Phương

### NỘI DUNG VỤ ÁN THEO ÁN SƠ THẨM:

Bà Phan Thị Phương khởi kiện yêu cầu: Xác định toàn bộ 4,10 ha đất rừng theo kết quả đo đạc của Công ty Hà Nguyên Châu trích đo tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ (trong đó có 03 ha thuộc lô 18, 21 trong sổ xanh mang tên ông Triệu Tiến Tiên là bố chồng cho và 1,10 ha thuộc lô 4, khoảnh 11B, tiểu khu 413 khe Suối Ó) và toàn bộ cây rừng trên diện tích đất là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng bà. Đồng thời gia đình bà có quyền khai thác, vận chuyển và hưởng giá trị sản phẩm số cây trên đất; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số BA866531 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được cấp ngày 15/2/2011; Hủy bỏ hợp đồng kí ngày 17/04/2019 với Công ty do vi phạm sự tự nguyện khi giao kết Hợp đồng.

Bà Phương và ông Minh cùng trình bày: Năm 1993 ông Triệu Tiến Tiên (là bố chồng, đã mất) được Lâm trường Đồng Hỷ giao 4,2 ha đất thuộc lô, 18; 21 khoảnh 11B tiểu khu 413 khe Suối Ó sau nhà tại Xóm Bãi Vàng xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Việc giao đất thể hiện thông qua sổ bìa xanh "Hồ sơ giao đất rừng" số 924 mang tên ông Triệu Tiến Tiên. Trên diện tích đất được giao, từ năm 1993 bố chồng bà trồng cây mỡ, cây phấn và từ năm 2008 có trồng thêm sắn. Cả quá trình sử dụng bố bà không có tranh chấp với ai. Năm 2011, bố chồng bà cho vợ chồng bà sử dụng 01 ha đất thuộc lô 4, khoảnh 11B, tiểu khu 413 khe Suối Ó sau nhà và 3 ha trong tổng diện tích 4,2 ha thuộc lô 18; 21, khoảnh 11B, tiểu khu 413 trong sổ xanh. Còn lại hơn 1 ha đất trong sổ xanh thì ông giữ lại sử dụng, trồng phấn ổn định đến bây giờ.

Đối với diện tích 01 ha đất thuộc lô 4, khoảnh 11B, tiểu khu 413 khe Suối Ó sau nhà, về nguồn gốc, đất này bố chồng bà được hàng xóm cho lại để sử dụng. Sau này tặng lại cho vợ chồng bà, vợ chồng bà đã thực hiện trồng keo trên toàn bộ diện tích đất, năm 2016 thì cây keo được thu hoạch. Khi khai thác cây, Chi nhánh của Tổng Công ty

là Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên yêu cầu vợ chồng bà phải nộp khoản sản phẩm 15m<sup>3</sup>/ha dù Công ty không bỏ vốn đầu tư. Thời điểm này, đội Lâm nghiệp xóm vào nhà bà xin số chứng minh nhân dân của chồng bà với lý do Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên trả phần đất này về địa phương thì sẽ chuyển sang tên chồng bà. Do đó chồng bà đã cung cấp hồ sơ cá nhân. Nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng bà nhận được thông báo ra lấy tiền đầu tư rừng trồng năm 2016, vợ chồng bà không đồng ý thì công ty thông báo dù không nhận đầu tư cuối chu kì vẫn phải trả 33m<sup>3</sup>/ha cho Công ty.

Đối với diện tích 3 ha đất được cho trong tổng diện tích 4,2 ha thuộc lô 18; 21, khoảnh 11B, tiểu khu 413 trong sổ xanh, năm 2013 vợ chồng bà cũng tự bỏ vốn để trồng cây keo. Lúc này, điều kiện kinh tế khó khăn, gia đình phải vay vốn ngân hàng chính sách hộ nghèo để trồng rừng. Năm 2016, Công ty tự ý vào đất của bà cắm mốc và đo đạc không được sự đồng ý của vợ chồng bà. Đến tháng 4/2019, gia đình bà bán cây rừng trồng trên 2ha đất thuộc 01 phần lô 21 khoảnh 11B, tiểu khu 413 từ năm 2013 để thu hồi vốn tự đầu tư nhưng cán bộ sản xuất của Chi nhánh Tổng Công ty là Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên nói đất bà trồng rừng là đất của Công ty, công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011. Công ty gây khó khăn, buộc vợ chồng bà phải ký vào hợp đồng giao khoán không có số liệu, không có diện tích, không có vị trí rừng cho kỳ sau và phải nộp 16.320.000đ tiền sử dụng đất thì mới được khai thác. Do cần bán cây để trang trải cuộc sống nên bà đã nộp đầy đủ số tiền trên cho Chi nhánh của Tổng công ty. Sau khai thác, Công ty vào đo đạc và xác định phần diện tích đất rừng bà vừa thu hoạch cây là 1.6 ha thuộc lô C53, C53a khoảnh 11B, tiểu khu 195 và toàn bộ diện tích 4ha đất bà đang canh tác đều thuộc thửa số 188 tờ bản đồ số 4 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866531 cho Công ty ngày 15/02/2011.

Nhận thấy, về nguồn gốc đất, vợ chồng bà được bố mẹ để lại cho để canh tác theo biên bản hợp gia đình, quá trình canh tác phải tự bỏ vốn đầu tư. Nhưng Tổng Công ty Lâm nghiệp lại tự ý cắm mốc, thu khoán sản phẩm bất hợp pháp. Do đó, ngày 08/09/2019, bà đã nộp hồ sơ khởi kiện Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần ra Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

**Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – ông Phạm Huy Bình trình bày:** Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam không đồng ý với những yêu cầu khởi kiện của phía Nguyên đơn lý do:

**Thứ nhất về nguồn gốc đất:** Là đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, thể hiện qua các văn bản sau: Tại quyết định số 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc thành lập Lâm trường Đồng Hỷ; Quyết định 3225/QĐ-UB Ngày 14/11/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Tại kết luận thanh tra

số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc chấp hành về đất đai đối với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên. Tại Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công ty TNHH MTV Ván Dăm Thái Nguyên nay là Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên- Công ty cổ phần với diện tích là 12.919.860 m<sup>2</sup> trên đất lâm nghiệp Công ty được giao theo Quyết định số 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái và kết luận thanh tra số 1655/STNMT – TT ngày 17/7/2009 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

**Thứ hai, về việc hợp đồng giao khoán:** Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2016 cho ông Triệu Văn Minh (chồng bà Phương) với tổng diện tích là 1,00 ha đất có hợp đồng giao khoán cho ông Triệu Văn Minh, nằm trong 12,87 ha (trong sổ giao đất giao rừng số 924 Lâm trường Đồng Hỷ giao khoán cho ông Triệu Tiến Tiên là bố đẻ của ông Minh) tại khoảnh 11B tiểu khu 195, thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006. Việc ký hợp đồng giao khoán dựa trên sự tự nguyện của các bên, căn cứ trên đơn yêu cầu đề nghị giao khoán của hộ dân thì Công ty mới thực hiện ký kết hợp đồng giao khoán cho hộ dân.

**Thứ ba, về hiện trạng sử dụng đất:** Tại khu vực khoảnh 11B, tiểu khu 195, thửa 30, tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006, diện tích sử dụng của hộ ông Triệu Văn Minh là 3,68 ha Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên giữ lại sau cổ phần hóa gồm 1,00 ha đất có hợp đồng Công ty đã giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ cho ông Triệu Văn Minh (chồng bà Phan Thị Phương), 2,68 ha hộ ông Triệu Văn Minh đang lấn chiếm tự đầu tư. Đối với diện tích Công ty chưa giao khoán cho hộ ông Triệu Văn Minh đang lấn chiếm tự đầu tư, Công ty đã đề nghị ông Minh ký hợp đồng nhận khoán với Công ty trong năm 2018. Hộ ông Triệu Văn Minh không có căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang lấn chiếm của Công ty.

**Thứ tư, về yêu cầu khởi kiện:** Đất tranh chấp là của Công ty được Nhà nước cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất và cây trồng trên đất mà chủ hộ có ký hợp đồng đồng với Công ty thì gia đình trả sản phẩm với Công ty theo các điều khoản Hợp đồng đã ký với Công Ty. Nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện nhưng không xuất trình tài liệu về hiện trạng để làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện, cũng không có bất kỳ văn bản nào ghi nhận việc tặng cho. Việc ký hợp đồng giao khoán dựa trên sự tự nguyện của các bên và căn cứ trên nhu cầu của hộ dân thì Công ty mới thực hiện ký kết hợp đồng giao khoán. Trong khi đó, Tổng Công ty có toàn quyền sử dụng, chiếm hữu và giao khoán trồng rừng đối với diện tích đất tranh chấp cùng những căn

cứ sử dụng hợp pháp như đã nêu trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần có thiện chí hai bên thỏa thuận với nhau. Đối với phần diện tích bà Phương và ông Minh đang quản lý, sử dụng và phân đất ông Minh đã nhận giao khoán với Công ty, phía Công ty sẽ vẫn tạo điều kiện cho ông Minh và bà Phương được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác nhưng ông Minh và bà Phương phải nộp sản lượng với Công ty theo các mô hình khoán như những hộ khác.

Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết về diện tích đất và nội dung của Hợp đồng giao nhận khoán, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị giải quyết các Hợp đồng giao khoán với Công ty mà Nguyên đơn cho là bị ký không. Nếu sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng giao khoán thì Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam sẽ thực hiện quyền khởi kiện vụ án riêng.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố huyện Đồng Hỷ đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đề nghị công nhận 41116.4 ha rừng và toàn bộ cây rừng trên đất là của ông bà, theo vị trí đất được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích đất tranh chấp tại Lô 18,21 diện tích 22284,3m<sup>2</sup> và 8281,6 m<sup>2</sup>; lô 4 diện tích 10550,5m<sup>2</sup> tổng là 41116.4 m<sup>2</sup> tương đương 4,10 ha đất trồng rừng thuộc thửa số 188 tờ bản đồ số 4, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là đất của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Vị trí thửa đất tranh chấp như sau: Phía Bắc: giáp với đất ông Tân, ông bà Hai Lê và ông Vương; Phía Tây Nam: giáp với đất anh Bảo; Phía Đông giáp đất ông Phan Đức Phương; Phía Tây giáp với đất ông Phúc, ông Tiến; Phía Đông Nam giáp với đất ông Thành, ông Hai. (Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên. Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo do bà Phương dẫn đạc được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc)

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao khoán mà ông cho rằng bị ép ký không từ năm 2016 và 2021.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866531 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

- Về chi phí tố tụng: Ông Minh, bà Phương phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.000.000 đồng ( đã chi phí xong).

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2022, bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hường chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phương, ông Minh giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện bị đơn Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần trình bày: Đối với yêu cầu xin rút 24,40ha đất rừng đã được Công ty giao khoán cho ông Trần Xuân Việt (bố đẻ ông Trung) năm 1998, do ông Trung đã thừa nhận đây là đất của Công ty giao khoán, đã có hợp đồng nên Công ty nhất trí với yêu cầu rút này của ông Trung; Đối với cây trồng trên đất thì nhất trí xác định là cây do nguyên đơn trồng, không nhận đầu tư của Công ty, thì cây đã trồng được khoảng 4 đến 5 năm tuổi Công ty sẽ tạo điều kiện cho khai thác khi đến kỳ và không phải nộp loại sản phẩm nào cho Công ty (trừ phần cây đã có hợp đồng giao nhận khoán, khi đến chu kỳ khai thác sẽ giải quyết theo thoả thuận, cam kết trong hợp đồng giao khoán), còn rừng cây mới trồng 1 đến 2 năm tuổi thì phải tiếp tục ký hợp đồng giao khoán với Công ty, nếu không ký hợp đồng thì đề nghị phải tự nhổ bỏ trả lại đất cho Công ty để Cty tự trồng rừng hoặc giao cho người khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trung có quan điểm tranh luận đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm theo Điều 310 BLTTDS, với các căn cứ: Tòa án sơ thẩm đã giải quyết không đúng thẩm quyền vì yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty Lâm nghiệp là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Tỉnh theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 32 Luật tố tụng hành chính; Đưa thiếu người tham gia tố tụng là UBND tỉnh cơ quan cấp giấy chứng nhận, UBND huyện Đông Hỷ và UBND xã Hợp Tiến là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Năm 1993 ông Tiên được Lâm trường Đông Hỷ giao 24,40 ha đất trồng rừng cho đến nay chưa có văn bản nào hủy bỏ quyết định của Lâm trường Đông Hỷ, thời hạn giao đất, giao rừng là 50 năm, năm 2011 UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng không thực hiện đúng trình tự không niêm yết, không thông báo, không xem xét thẩm định, không ký giáp ranh, không xác định xem trên diện tích đất của mình có hộ dân nào đang sử dụng đất hay không... là không

đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Đơn kháng cáo của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hợp đồng giao khoán*" theo khoản 3, 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh, thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

[2.1.1] Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập ngày 12/01/1973. Năm 1992 Lâm Trường Đồng Hỷ trực thuộc Sở lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái và được giao tổng diện tích đất rừng là 13.065 ha để chăm sóc, bảo vệ và trồng mới. Từ năm 1998 đến trước năm 2011, Lâm trường đã nhiều lần đổi tên, sáp nhập. Ngày 16/3/2012, Công ty Lâm nghiệp Việt Nam có quyết định thành lập số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ. Năm 1998, khi chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam đã có biên bản kiểm kê đất rừng và đất lâm nghiệp do Lâm trường Đồng Hỷ quản lý, thể hiện rõ tổng diện tích của Lâm trường là 11.553ha (Ngoài ra còn ghi rõ vị trí tứ cận đất, nằm trên các xã nào, có bao nhiêu phân trường và tiểu khu). Năm 2009, thông qua kết luận thanh tra về việc quản lý đất của Lâm trường (đã có kết luận), ngày 24/12/2010 Công ty Lâm nghiệp đã có biên bản về việc kiểm tra hiện trạng đất sử dụng thực tế của Công ty nằm trên địa bàn UBND xã Hợp Tiến, việc kiểm tra này được thực hiện và tiến hành theo bản đồ giải thửa năm 2006. Căn cứ vào đó, ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp giấy CNQSD đất cho Công ty Lâm nghiệp tại Quyết định số 320/QĐ-UBND. Như vậy, có đủ căn cứ xác định đất có nguồn gốc của Lâm trường



Đồng Hỷ được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có quyết định giao đất từ năm 1992. Trải qua các thời kỳ chuyển giao từ Lâm trường Đồng Hỷ đến nay là Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam, Công ty cổ phần, diện tích đất được bàn giao và đã được cấp giấy CNQSD đất đúng hiện trạng.

[2.1.2] Tại phiên tòa ông Minh và bà Phương đều thừa nhận toàn bộ diện tích đất rừng ông bà đang quản lý, sử dụng hiện nay là của ông Triệu Tiến Tiến, bố đẻ ông Minh. Nguồn gốc đất của ông Tiên được Lâm trường Đồng Hỷ giao 8,12ha đất trống để trồng cây (gồm lô 19 là 1,67ha, lô 20 là 4,30ha, lô 22 là 2,15ha) và 4,75ha đất rừng (gồm lô 18 là 2,75ha, lô 21 là 2ha) theo Quyết định giao đất rừng số 3730/QĐ-UB ngày 30/11/1993, Hồ sơ giao đất rừng số 924 và 01 ha đất rừng thuộc lô 4, khoảnh 11B, tiểu khu 413 khe Suối Ó sau nhà là do ông Lại Khắc An (cũng là công nhân Lâm trường Đồng Hỷ) cho ông Tiên vào năm 2004. Sau khi được giao đất ông Tiên đã tiến hành trồng keo và tiếp tục ký HĐ giao khoán, đã thực hiện giao khoán với Công ty theo đúng hợp đồng. Đến năm 2011, ông Tiên cho vợ chồng bà Phương 01 ha đất thuộc lô 4, khoảnh 11B, tiểu khu 413 khe Suối Ó sau nhà và 3 ha trong tổng diện tích 4,2 ha thuộc lô 18; 21, khoảnh 11B, tiểu khu 413 trong sổ xanh, ông Minh bà Phương đã nhận đất và tiếp tục trồng cây keo, khoảng năm 2015 hoặc 2016 có ký giấy từ với Công ty Lâm Nghiệp, nhưng do thiếu hiểu biết nên ông bà không biết đó là Hợp đồng.

[2.1.3] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ do Công ty Hà Nguyên Châu thực hiện, theo chỉ dẫn của ông Minh, hiện trạng đất xác định diện tích tranh chấp thực tế là 41116,4 m<sup>2</sup> (tương đương 4,10ha) đất trồng rừng tại thửa 188 tờ bản đồ số 4, chỉ là một phần diện tích đất được ghi trong GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/02/2011, số BA 866531 có diện tích 324936,0 m<sup>2</sup>, loại đất Rừng sản xuất.

[2.1.4.] Như vậy, có đủ căn cứ xác định, toàn bộ diện tích đất rừng ông Minh bà Phương đang quản lý sử dụng hiện nay là đất của Lâm trường Đồng Hỷ được Nhà Nước giao từ năm 1992 để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, với tổng diện tích đất được giao là 13.065ha. Năm 1993 ông Tiên và ông Lại Khắc An đều là công nhân Lâm trường đã được Lâm trường giao đất trồng rừng, thông qua hồ sơ giao đất giao rừng. Sau khi nhận đất, ông Tiên đã thực hiện trồng cây theo cam kết trong hồ sơ. Năm 2001, ông Tiên tiếp tục ký HĐ với Cty Lâm Nghiệp và đã nộp sản lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng (điều này được ông Minh và phía Công ty xác nhận tại phiên tòa). Năm 2011, ông Minh được bố cho 4,10 ha (trong đó có 3 ha rừng ông Tiên được giao và 01 ha rừng ông Tiên được ông An cho). Ông Minh bà Phương

đã tiếp tục trồng cây, trả sản lượng cho Công ty theo hợp đồng ông Tiên đã ký, năm 2016 ông Minh lại tiếp tục ký hợp đồng mới với Công ty, năm 2019 trả sản theo HĐ đã ký. Năm 2019, khi đang giải quyết tranh chấp tại Tòa án, ông Minh lại tiếp tục ký hợp đồng giao khoán mới. Có đủ căn cứ khẳng định, ông Minh bà Phương khi nhận lại đất từ ông Tiên đã biết được toàn bộ diện tích đất rừng 4,10ha này là của Công ty Lâm Nghiệp.

[2.1.5.] Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phương không cung được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh. Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam không nằm trong diện tích đất mà Công ty Lâm nghiệp trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất; Hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã Hợp Tiến thì không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Phương và ông Minh.

[2.1.6.] Việc ông Minh bà Phương khởi kiện yêu cầu công nhận toàn bộ 4,10ha đất rừng đang canh tác là của ông bà là không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện này của ông bà là đúng.

[2.2.] Về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và những phân tích nêu trên thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất và Sở Tài Nguyên và Môi trường trình cấp có thẩm quyền là UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng, không trái pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án. Do không có căn cứ để huỷ quyết định cá biệt theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định không có căn cứ huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp cho Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng.

[2.3.] Về yêu cầu huỷ các Hợp đồng giao khoán do bị ép ký, thấy:

[2.3.1.] Các Hợp đồng giao nhận khoán mà ông Triệu Văn Minh đã ký với Công ty Lâm nghiệp số 25/2016-HĐ ký ngày 06/06/2016 tại lô C 53, khoảnh 11B, tiểu khu 195, diện tích 1,60 ha và số 36/2021-HĐ ký ngày 15/01/2021 tại lô 164,164a, khoảnh 11B, tiểu khu 195, diện tích 1,00 ha (Tổng diện tích là 2,60ha, còn lại là

2,34ha lần chiếm đất của Tổng công ty Lâm nghiệp) đều dựa trên cơ sở có Đơn xin nhận khoán, các Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng do ông Minh trực tiếp ký với Công ty Lâm nghiệp đều có chữ ký và xác nhận của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Nội dung trong hợp đồng không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội thể hiện rõ nội dung khoán, công việc, đầu tư vốn, quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng. Từ khi ký Hợp đồng nhận khoán bắt đầu năm 2016 và các năm tiếp theo với Công ty, ông Minh không có ý kiến thắc mắc gì, ông vẫn tiến hành trả sản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng (BL 27). Năm 2019, ông Minh khởi kiện ra Tòa án, trong khi Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án thì năm 2021 ông Minh vẫn tiến hành ký hợp đồng mới với Công ty.

[2.3.2.] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Minh thừa nhận tất cả các hợp đồng giao khoán đúng là chữ ký của ông Minh nhưng do thiếu hiểu biết nên đã bị ép ký thì mới nhận được giấy khai thác, khi ký là hợp đồng trắng, không ghi số lô, số thửa. Ngoài lời trình bày này, ông Minh không có tài liệu, chứng cứ nào khác

[2.3.3.] Như vậy việc ký Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng giữa ông Minh với Công ty Lâm nghiệp là hoàn toàn tự nguyện, giữa bên có đất để giao khoán và bên nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các Hợp đồng đã ký là hợp pháp, ông Minh không hề bị ép buộc như ông bà đã khai. Mặt khác ông Phạm Văn Trinh, nguyên đội trưởng đội sản xuất của Công ty xác định trong thời gian ông làm đội trưởng thì ông không thu khoản tiền nào của người nhận khoán mà việc thu là do kế toán của Công ty thu có hóa đơn thu, chi giao cho các hộ nhận khoán. Việc ông Minh cho rằng đã bị ép buộc và ký khống ký vào các hợp đồng giao khoán là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu hủy các hợp đồng giao khoán giữa ông Minh với Công ty là phù hợp. Do vậy, kháng cáo yêu cầu hủy các hợp đồng giao khoán giữa ông Minh và Công ty Lâm Nghiệp cũng không có căn cứ chấp nhận.

[2.4.] Đối với yêu cầu của ông Minh, bà Phương đề nghị xác định toàn bộ cây cối trên đất là của ông bà, thấy:

[2.4.1.] Theo ông bà, tự bỏ vốn để đầu tư giống và phân bón, có hợp đồng giao khoán ông bà nhận một phần đầu tư của Công ty, có một phần diện tích ông bà không ký hợp đồng, không nhận đầu tư của Công ty. Nhưng ông Minh, bà Phương đã trồng cây trên phần đất của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một số cây trồng trên diện tích đất do ông Minh ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty, một số cây trồng trên diện tích đất ông Minh chưa ký Hợp đồng giao nhận khoán với Công ty mà tự ý trồng.

[2.4.2.] Như đã phân tích ở trên, thì các hợp đồng giao khoán có hiệu lực pháp luật, cho nên, số cây trồng trên diện tích do ông Minh đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì ông bà vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết. Đối với cây trồng trên diện tích của Công ty mà ông Minh đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục trồng mới thì phải khai thác, thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty. Tổng Công ty Lâm nghiệp có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu đối với bà Phương, ông Minh được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đối với số cây trên diện tích ngoài giao khoán đang lấn chiếm tự đầu tư trên đất Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, các bên có quyền thỏa thuận để giải quyết, nếu không thỏa thuận được với Công ty Lâm nghiệp để được tiếp tục trồng rừng thì ông bà phải khai thác cây trồng trái phép trên đất của Công ty để trả lại đất cho Công ty. Trong trường hợp không thỏa thuận được có quyền khởi kiện vụ án khác để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.4.3.] Tại phiên tòa, đại diện của bị đơn đã khẳng định: *Toàn bộ cây trên đất tranh chấp là do gia đình ông Minh trồng, với rừng cây đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì ông bà vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết. Với cây trồng trên diện tích của Công ty mà ông Minh đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục trồng mới thì phải khai thác, thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty. Tổng Công ty Lâm nghiệp có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu đối với hộ ông Triệu Văn Minh theo quy định của pháp luật.*

[3.] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trung cho rằng:

[3.1.] Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết khi có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái thẩm quyền và không đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. HĐXX thấy: Ngày 13/01/2020 ông Triệu Văn Minh và bà Phan Thị Phương nộp đơn khởi kiện Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần yêu cầu công nhận diện tích đất do Lâm trường giao, ngoài ra còn yêu cầu tuyên hủy những GCNQSD đất của Công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Với nội dung yêu cầu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ và xác định không có căn cứ rõ ràng các quyết định cá biệt ban hành là trái pháp luật; UBND tỉnh Thái Nguyên có văn bản xác định việc cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng cho Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam là không trái pháp luật. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển thẩm quyền đến tòa án nhân dân cấp tỉnh, không triệu tập UBND tỉnh tham gia tố tụng và tiếp tục giải quyết là không trái với quy định của pháp luật cũng như giải đáp số 02/2016 và 01/2017 của Tòa án nhân dân Tối Cao.

[3.2.] Đối với yêu cầu xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Minh và có toàn quyền quản lý, khai thác và hưởng giá trị sản phẩm mang lại trên đất.

Như đã phân tích trên thì các hợp đồng giao khoán giữa ông Minh có hiệu lực pháp luật, cho nên số cây trồng trên diện tích do ông Minh đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì ông bà vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết. Đối với cây trồng trên diện tích của Công ty mà ông bà đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục trồng mới thì phải khai thác, thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty. Tổng Công ty Lâm nghiệp có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu đối với ông bà được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.3.] Về nội dung yêu cầu giám định tuổi mục hợp đồng giao khoán giữa gia đình ông Minh và Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần, thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm phía ông Minh đều thừa nhận chữ ký trong bộ hợp đồng giao khoán đều là do ông ký, khi ký bán hợp đồng và các tài liệu khác đều đã có chữ in sẵn, có bản là tờ giấy trắng, do thiếu hiểu biết nên ông đã ký, người cho ký là ông Trình cũng không cho ông đọc, ông bắt buộc phải ký mới được lấy giấy phép khai thác lâm sản. Tuy nhiên, ông không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh là ông bị ép ký, hay ký không. Cho nên việc giám định hợp đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

[3.4.] Về nội dung không đưa UBND huyện Đồng Hỷ, UBND xã Hợp Tiến tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. HĐXX thấy rằng: UBND là cơ quan hành chính nhà nước, UBND huyện Đồng Hỷ không liên quan gì đến vụ án, còn quá trình giải quyết thì UBND xã Hợp Tiến đã có văn bản trả lời, xác định đất tranh chấp giữa các hộ dân với Công ty. Do vậy, việc đưa UBND huyện Đồng Hỷ, UBND xã Hợp Tiến tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là không phù hợp và không cần thiết.

[3.5.] Về nội dung Hồ sơ giao đất, giao rừng của ông Triệu Tiên Tiên, thấy: Ông Minh đã thừa nhận, toàn bộ diện tích ông đang sử dụng là do ông Tiên được Lâm trường Đồng Hỷ giao đất rừng, đã có hồ sơ, mục đích để phủ xanh đồi núi trọc;

diện tích ông Anh cho cũng là được Lâm trường giao. Tại biên bản giao rừng và đất để trồng rừng ngày 30/10/1993 giao cho ông Triệu Tiến Tiên 12,87ha, phần cuối biên bản có nội dung cam kết: *Chủ rừng nhận đất phải trồng cây, nhận rừng phải quản lý, bảo vệ, chăm sóc để rừng luôn phát triển. Thực hiện đúng những điều đã cam kết trong đơn. Giao đủ sản phẩm cho Nhà nước khi được thu hoạch theo quy định tại Điều 20+2 Quyết định số 08 của tỉnh.* Điều 11 khoản 2 của Quy định việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước, ban hành kèm theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ, quy định: *Thời hạn giao khoán đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 50 năm; đối với rừng sản xuất thì theo chu kỳ kinh doanh.*

Tại Quyết định giao đất giao rừng ngày 30/10/1993 Lâm trường Đồng Hỷ là Doanh nghiệp Nhà nước được giao đất và đứng ra thực hiện giao khoán đất nhưng lại sử dụng mẫu giao đất giao rừng của UBND huyện Đồng Hỷ là không đúng quy định. Ngày 21/01/2005 Công ty Ván Dăm Thái Nguyên ban hành văn bản số 34/CTVD/CV yêu cầu các hộ trước đây được Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng bằng sổ Lâm bạ phải chuyển sang hình thức Hợp đồng giao khoán và thời hạn giao khoán theo chu kỳ kinh doanh là phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 99 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai quy định các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: *4. Người nhận khoán đất trong các nông trường, lâm trường, doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng”.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng lâm trường Đồng Hỷ giao đất giao rừng cho ông Triệu Tiến Tiên (bỏ để ông Minh), thời hạn giao đất là 50 năm, hiện nay hồ sơ giao khoán này vẫn đang có hiệu lực, chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, nên yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[4.] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Minh có nộp một bản vi bằng nội dung phóng sự, theo ông Trung trình bày là *kênh của truyền hình nhân dân, nội dung liên quan đến việc giao đất giao rừng và ý kiến của ông trưởng phòng TNMT huyện Đồng Hỷ và ông Nguyễn Phó chủ tịch xã Hợp Tiến.* Thấy rằng, đây chỉ là tài liệu tham khảo, tài liệu trong hồ sơ thể hiện tại biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất 24/12/2010 thành phần gồm có Văn phòng ĐK quyền sử dụng đất, đại diện UBND xã Hợp Tiến, Công ty Ván Dăm... đã xác định vị trí, diện tích đất cụ thể; quá trình giải quyết UBND xã Hợp Tiến cũng đã có ý kiến trả lời Tòa án Đồng Hỷ tại văn bản ngày 15/4/2022.

[5.] Như vậy, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, để từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với thực tế, có cơ sở. Kháng cáo của ông Trần Văn Trung là không có căn cứ chấp nhận.

[6.] Trong phần nhận định cấp sơ thẩm nhận định đối với cây trên đất có giao khoán thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, cây ngoài giao khoán thì tiếp tục thỏa thuận nếu không theo thỏa thuận được thì phải thu hoạch trả lại đất cho Công ty. Tuy nhiên, tại phần tuyên án Tòa án cấp sơ thẩm chưa tuyên phần giành quyền khởi kiện cho các đương sự về phần cây trên đất là chưa đầy đủ, nên HĐXX cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

[7.] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm sung quỹ Nhà Nước. Tuy nhiên bà Phương, ông Minh là hộ cận nghèo nên căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phương, ông Minh.

[8.] Quan điểm, ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn Trung, theo phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử là không có căn cứ để chấp nhận.

[9.] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh.

II. Sửa phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đề nghị công nhận 41116.4 ha rừng và toàn bộ cây rừng trên đất là của ông bà, theo vị trí đất được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích đất tranh chấp tại Lô 18, 21 diện tích 22284,3m<sup>2</sup> và 8281,6 m<sup>2</sup>; lô 4 diện tích 10550,5m<sup>2</sup>, tổng là **41116.4 m<sup>2</sup>** (tương đương **4,10 ha**) đất trồng rừng thuộc thửa số

188 tờ bản đồ số 4, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên là đất của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Vị trí thửa đất tranh chấp như sau: Phía Bắc: giáp với đất ông Tân, ông bà Hai Lê và ông Vương; Phía Tây Nam: giáp với đất anh Bảo; Phía Đông giáp đất ông Phan Đức Phương; Phía Tây giáp với đất ông Phúc, ông Tiên; Phía Đông Nam giáp với đất ông Thành, ông Hai. (Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên. Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo do bà Phương dẫn đạc được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc)

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao khoán mà ông cho rằng bị ép ký không từ năm 2016 và 2021.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866531 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

4. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự đối với cây trên đất.

5. Về chi phí tố tụng: ông Minh, bà Phương phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.000.000 đồng (đã chi phí xong).

6. Về án phí dân sự:

+ Án phí sơ thẩm: Miễn án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh.

+ Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đông Hy;
- Chi cục THADS huyện Đông Hy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

  
Nguyễn Thị Thủy

2-C  
T.Y  
NAM  
HÀN  
P.NA

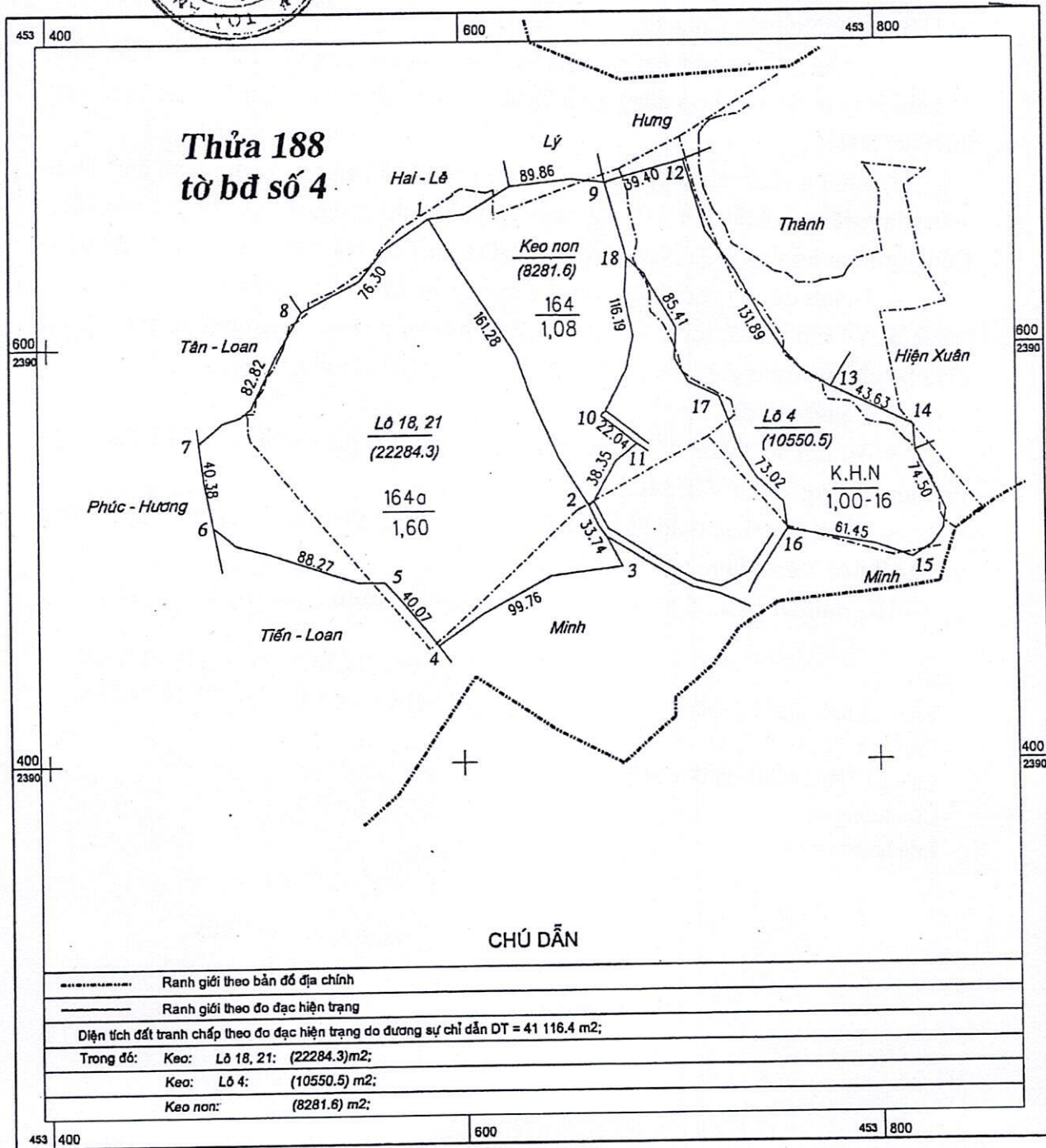




TÒA ÁN NHÂN DÂN ĐỒNG HỖ  
BÚT LỤC SỐ: .....

# TRÍCH ĐO HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ÔNG TRIỀU VĂN MINH BA PHAN THỊ PHƯƠNG XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



Đo vẽ tháng 12 năm 2020

Người đo vẽ:

*[Handwritten Signature]*

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

Tháng 12 năm 2020  
Cơ quan đăng ký Công ty TNHH  
Hà Nguyễn Châu



GIÁM ĐỐC

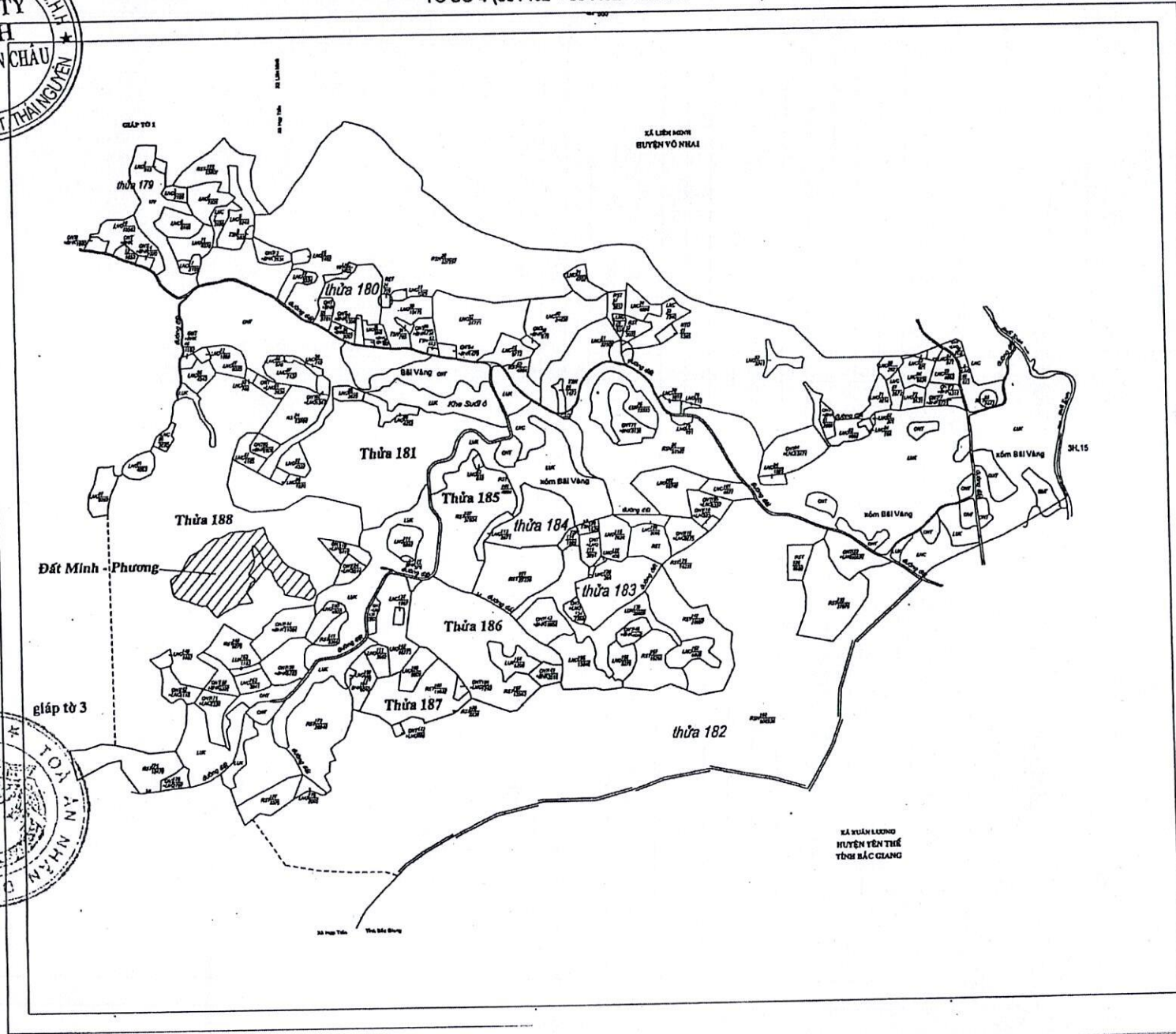
*[Handwritten Signature]*  
Trần Văn Diên



TÒA ÁN NHÂN DÂN ĐỒNG TỶ  
BÚT LỤC SỐ: .....

# XA HỢP TIẾN

TỜ SỐ 4 (391452 + 394452 + 391455 + 394455)





TÒA ÁN NHÂN DÂN T. ĐỒNG HỖ  
BÚT LỤC SỐ: .....

**BẢN GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT**

Theo kết quả thẩm định trích đo hiện trạng ngày 10 tháng 10 năm 2020

Đất ông Triệu Văn Minh và bà Phan Thị Phương

Diện tích đất tranh chấp theo đo đạc hiện trạng đo đương sự chỉ dẫn DT = 41 116.4 m<sup>2</sup>; Theo sơ đồ:

1,9,12,14,15,16,17,18,10,11,2,3,4,5,6,7,8,1;

- Nằm vào thửa 188 tờ bản đồ địa chính số 4 xã Hợp Tiến

Trong đó: Keo: Lô 18, 21: (22284.3)m<sup>2</sup>;

Keo: Lô 4: (10550.5) m<sup>2</sup>;

Keo non: (8281.6) m<sup>2</sup>;